

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ - PT

Ngày 24 - 9 - 2021

V/v “*Tranh chia tài sản sau khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- *Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Khoa

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Khánh Vân

Ông Đặng Phi Long

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2021/TLPT-HNGĐ ngày 26/8/2021 về việc “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*”. Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2021/HNGĐ-ST ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐ-PT ngày 09/9/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị P

Địa chỉ: Tổ 9B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lại Đức C

Địa chỉ: Tổ 9B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Bùi Thị P, Bị đơn anh Lại Đức C.

4. *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Bùi Thị P trình bày:

Chị P và anh Lại Đức C đã ly hôn theo Quyết định số 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, khi ly hôn chưa giải

quyết chia tài sản chung. Đến nay, anh chị không thoả thuận được về việc chia tài sản chung nên chị đề nghị Toà án giải quyết chia tài sản chung gồm có:

+ Diện tích 100,6m² đất ở thuộc thửa số 121, tờ bản đồ 50 địa chỉ tổ 9B (tổ 9C cũ) thị trấn P, huyện B đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt: GCNQSDĐ) ngày 12/9/2013 đứng tên Bùi Thị P và Lại Đức C. Trên đất có nhà gỗ, bếp và nhà vệ sinh.

+ Xe ô tô bán tải biển kiểm soát 29C-95436, đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn T, mua năm 2017 với giá 170.000.000đ, hiện anh C đang sử dụng.

Chị P đề nghị Toà án giải quyết chia tài sản chung theo quy định của pháp luật, chị có nhu cầu sử dụng đất và nhà, để anh C sử dụng xe ô tô, bên nào sử dụng tài sản giá trị cao hơn thì trả tiền chênh lệch tài sản.

Tại Bản tự khai ngày 06/4/2021 và ngày 20/5/2021, bị đơn anh Lại Đức C trình bày:

Anh thừa nhận vợ chồng có tài sản chung là diện tích 100,6m² đất ở và 01 nhà gỗ 02 gian như Chị P trình bày là đúng. Tuy nhiên diện tích đất trên anh chị mua của của ông Phòng, bà Hồng năm 2008 với giá 7.500.000 đồng. Tiền mua đất là do anh Lại Đức L (anh trai anh C) được bồi thường đất ở Thượng Hà cho anh C 30.000.000 đồng, anh dùng số tiền 7.500.000 đồng để mua mảnh đất trên. Đối với 01 xe ô tô biển kiểm soát 29C-954.36 đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Thúy mua năm 2017 với giá 170.000.000đ, hiện giấy tờ mua xe không có, tiền mua xe có 70.000.000 đồng là tiền chung, 70.000.000đồng là tiền anh trúng lô đề, còn lại là anh đi vay của anh em bạn bè. Anh C đề nghị Toà án giải quyết chia tài sản chung theo quy định của pháp luật. Anh C có nguyện vọng sử dụng nhà và đất do anh đang phải nuôi dưỡng mẹ đẻ là bà Trần Thị T đã già yếu, anh sẽ trả tiền chênh lệch tài sản cho Chị P.

Về công nợ chung, Chị P và anh C đều trình bày hiện anh chị không còn nợ ai và không cho ai vay nợ.

Ngày 10/5/2021, Toà án nhân dân huyện B đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản có tranh chấp, kết quả:

+ Thửa đất 121 tờ bản đồ 50 có diện tích 100,6m² là đất ở đã được cấp GCNQSDĐ ngày 12/9/2013 đứng tên Bùi Thị P và Lại Đức C. Giá trị đất: 35.320.100 đồng.

+ Tài sản trên đất: 01 nhà gỗ cấp IV, 01 tầng lợp mái fibroximăng, chiều cao tính đến trần 3m, mức độ hoàn thiện trung bình, cửa sắt, nền gạch lát đá hoa 30x30, bể tự hoại, điện nước thông dụng. Kết cấu khung cột gỗ, xây tường gạch chỉ 110cm, rộng 4,3m sâu 7m, dài 7m, diện tích 30,1m². Móng nhà xây gạch bao quanh. Phần bán mái trước nhà lợp fibroximăng kích thước 4,3x3,6=15,48m². Phần bán mái sau nhà lợp fibroximăng kích thước 7x2,5=17,5m². Phần bán mái sau nhà lợp fibroximăng kích thước 7x3,1=21,7m². Nhà vệ sinh xây gạch chỉ đổ mái bằng, trần cao 2,6 m diện tích 6,93m². Phần bán mái nhà vệ sinh lợp fibroximăng kích thước 4,8x3=14,4m²

Nhà xây cấp IV có một phần diện tích 10,3m² nằm trên phần đất của bà Vũ Thị Mai đang sử dụng, nhà vệ sinh nằm trên phần đất của ông Lã Quốc Đạt tách rời công trình nhà. Bà Mai và ông Đạt đều có lời khai nhất trí cho anh chị sử dụng không có tranh chấp gì.

Giá trị tài sản trên đất: 106.705.000 đồng

+ Xe ô tô bán tải loại phương tiện PICKUP ca bin kép, nhãn hiệu FORD, số loại RANGER2AW, số khung: THDFDCMRDID 00526, số máy WLAT-277883, sản xuất năm 2001, niên hạn sử dụng: 2026, biển kiểm soát 29C-954.36, xe bị tháo 01 cầu trước. Giá trị xe ô tô: 88.000.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản là: 230.025.100 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm Chị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh C thay đổi lời khai, anh xác định quyền sử dụng đất là tài sản chung nhưng nguồn tiền mua đất là của riêng anh, nhà gỗ là tài sản riêng do anh đã sử dụng gỗ của mình trước khi kết hôn để làm nhà, ngoài ra xe ô tô không có giấy tờ mua bán nên anh không đề nghị Tòa án chia. Anh C đề nghị được sử dụng nhà, đất và sẽ trả tiền chênh lệch tài sản cho Chị P là 100.000.000 đồng.

Bản án sơ thẩm số 20/2021/HNGĐ-ST ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ Điều 33, 59, 62 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 2 Điều 147, điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu của chị Bùi Thị P về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn:

- Chị Bùi Thị P được sở hữu và sử dụng tài sản:

+ Thửa đất số 121 tờ bản đồ 50 diện tích 100,6m² đất ở đô thị, địa chỉ: Tổ 9B thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO658442 ngày 12/9/2013 đứng tên Bùi Thị P và Lại Đức C.

+ Tài sản trên đất gồm: 01 nhà gỗ cấp IV, 01 tầng lợp mái fibroximăng, chiều cao tính đến trần 3m, mức độ hoàn thiện trung bình, cửa sắt, nền gạch lát đá hoa 30x30, bể tự hoại, điện nước thông dụng; Kết cấu khung cột gỗ, xây tường gạch chỉ 110, rộng 4,3m sâu 7m, dài 7m, diện tích 30,1m². Móng nhà xây gạch bao quanh. Phần bán mái trước nhà lợp fibroximăng kích thước 4,3x3,6=15,48m². Phần bán mái sau nhà lợp fibroximăng kích thước 7x2,5=17,5m². Phần bán mái sau nhà lợp fibroximăng kích thước 7x3,1=21,7m². Phần bán mái nhà vệ sinh lợp fibroximăng kích thước 4,8x3=14,4m². Nhà vệ sinh xây gạch chỉ đổ mái bằng, trần cao 2,6 m diện tích 6,93m².

Tổng trị giá: 142.025.100 đồng.

Chị Bùi Thị P phải thanh toán cho anh Lại Đức C tiền chênh lệch tài sản là: 71.012.500 đồng.

- Anh Lại Đức C được sở hữu tiền chênh lệch tài sản do chị Bùi Thị P thanh toán là: 71.012.500 đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Bùi Thị P đối với xe ô tô bán tải loại phương tiện PICKUP ca bin kép, nhãn hiệu FORD, số loại RANGER2AW biển kiểm soát 29C-954.36 đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Thúy do chưa có đủ điều kiện khởi kiện.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về yêu cầu thi hành án, án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 30/7/2021, Nguyên đơn chị Bùi Thị P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của Chị P đối với tài sản là xe ô tô bán tải nhãn hiệu Ford Ranger, biển kiểm soát 29C - 254.36, mang tên Nguyễn Văn Thúy. Buộc anh Lại Đức C có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch cho Chị P là 44.000.000 đồng.

Ngày 27/7/2021, Bị đơn anh Lại Đức C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 02/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện B có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 410/QĐKNPT-VKS-HNGĐ đối với Bản án số 20/2021/HNGĐ-ST ngày 20/7/2021 của TAND huyện B, kháng nghị một phần bản án sơ thẩm đối với việc đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung của Chị P đối với xe ô tô bán tải, loại phương tiện PICKUP ca bin kép, nhãn hiệu FORD, số loại RANGER2AW, biển kiểm soát 29C-954.36, đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Thúy do chưa đủ điều kiện khởi kiện, theo hướng công nhận xe ô tô bán tải trên là tài sản chung để chia theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Bùi Thị P và anh Lại Đức C thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Nguyên đơn chị Bùi Thị P và Bị đơn anh Lại Đức C có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét giải quyết.

[2] Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 410/QĐKNPT-VKS-HNGĐ ngày 02/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đối với Bản án số 20/2021/HNGĐ-ST ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện B được ban hành trong thời hạn kháng nghị theo quy định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự, là căn cứ giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Bùi Thị P và anh Lại Đức C đều xác nhận khối tài sản vợ chồng hình thành trong thời kỳ hôn nhân và thỏa thuận chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn như sau:

[3.1] Về việc xác định khối tài sản chung của vợ chồng bao gồm:

- Quyền sử dụng diện tích đất ở 100,6m² thuộc thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 tại tổ 9B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai đã được cấp GCNQSDĐ số BO 658442 do UBND huyện B cấp ngày 12/9/2013 mang tên Bùi Thị P và Lại Đức C;

- Tài sản trên đất gồm: 01 nhà gỗ cấp IV, 01 tầng, lợp mái fibroximang, kết cấu khung cột gỗ, xây tường gạch chỉ 110cm và các công trình phụ trợ.

- 01 xe ô tô bán tải biển kiểm soát 29C - 954.36, xe mua của ông Nguyễn Văn Thúc - Trú tại: Xóm Nhì, xã Vân Nội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội năm 2017 với giá 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*).

[3.2] Về giá trị tài sản, Chị P và anh C đều nhất trí với giá mà Hội đồng định giá do TAND huyện B quyết định thành lập đã xác định đất và tài sản trên đất có tổng trị giá: 142.025.100 đồng, chiếc xe ô tô bán tải, loại phương tiện PICKUP ca bin kép, nhãn hiệu FORD, số loại RANGER2AW, biển kiểm soát 29C-954.36 có giá là 88.000.000 đồng.

[3.3] Về việc thỏa thuận chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn:

Chị Bùi Thị P và anh Lại Đức C tự nguyện thỏa thuận như sau:

- Chị Bùi Thị P được quyền sở hữu, sử dụng: Quyền sử dụng diện tích đất ở 100,6m² thuộc thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 tại tổ 9B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai đã được cấp GCNQSDĐ số BO 658442 do UBND huyện B cấp ngày 12/9/2013 mang tên Bùi Thị P và Lại Đức C và tài sản trên đất gồm: 01 nhà gỗ cấp IV, 01 tầng, lợp mái fibroximang, kết cấu khung cột gỗ, xây tường gạch chỉ 110cm và các công trình phụ trợ.

- Anh Lại Đức C được quyền sở hữu, sử dụng: 01 xe ô tô bán tải, loại phương tiện PICKUP ca bin kép, nhãn hiệu FORD, số loại RANGER2AW, biển kiểm soát 29C-954.36, đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Thúc.

- Chị Bùi Thị P có trách nhiệm trả tiền chênh lệch về giá trị tài sản cho anh Lại Đức C là 80.000.000 đồng.

[3.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị P và anh Lại Đức C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy việc thỏa thuận của chị Bùi Thị P và anh Lại Đức C là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức và pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B:

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều thống nhất xác định khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bao gồm cả chiếc xe ô tô. Vì vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, do tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[6] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử xét thấy theo thỏa thuận của các đương sự thì tổng giá trị tài sản chung là 230.025.100 đồng, Chị P được hưởng 62.025.100 đồng (Giá trị nhà đất Chị P được sử dụng là 142.025.100 đồng - 80.000.000 đồng là số tiền phải trả cho anh C theo thỏa thuận), anh C được hưởng 168.000.000 đồng (Giá trị chiếc ô tô anh C được sử dụng là 88.000.000 đồng và 80.000.000 đồng Chị P trả). Do vậy, anh C và Chị P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương đương với phần giá trị được hưởng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên người kháng cáo là chị Bùi Thị P và anh Lại Đức C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 33, 59, 62 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 300, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2021/HNGĐ-ST ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai như sau:

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Bùi Thị P, và anh Lại Đức C như sau:

- Chị Bùi Thị P được quyền sở hữu, sử dụng: Quyền sử dụng diện tích đất ở 100,6m² thuộc thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 tại tổ 9B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai đã được cấp GCNQSDĐ số BO 658442 do UBND huyện B cấp ngày 12/9/2013 mang tên Bùi Thị P và Lại Đức C và tài sản trên đất gồm: 01 nhà gỗ cấp IV, 01 tầng, lớp mái fibroximang, kết cấu khung cột gỗ, xây tường gạch chỉ 110cm và các công trình phụ trợ.

- Anh Lại Đức C được quyền sở hữu, sử dụng: 01 xe ô tô bán tải, loại phương tiện PICKUP ca bin kép, nhãn hiệu FORD, số loại RANGER2AW, biển kiểm soát 29C-954.36, đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Thúy.

- Chị Bùi Thị P có trách nhiệm trả tiền chênh lệch về giá trị tài sản cho anh Lại Đức C là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong các khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị P phải chịu 3.101.255 đồng (*Ba triệu một trăm linh một nghìn hai trăm năm mươi lăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Bùi Thị P đã nộp 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số AB/2012/0002007 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị P 898.745 đồng (*Tám trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng*).

Anh Lại Đức C phải chịu 8.400.000 đồng (*Tám triệu bốn trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Chị Bùi Thị P và anh Lại Đức C mỗi người phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận chị Bùi Thị P và anh Lại Đức C mỗi người đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai ký hiệu AC-21P số 0003335 ngày 03/8/2021 và biên lai ký hiệu AC-21P số 0003332 ngày 27/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Chị Bùi Thị P và anh Lại Đức C đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hữu Khoa